TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲ HỢP
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 49/2024/HSST
Ngày 28/6/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲ HỢP, TỈNH NGHỆ AN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – chủ*phiên toà*: Ông Quán Vi T.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Khởi.
Ông Lê Văn Thanh

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Trần Anh Quân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa*:** Bà Dương Thị Hồng Lĩnh - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 28 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 32/2024/TLST – HS ngày 04 tháng 5 năm 2024, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2024/QĐST–HS ngày 10 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Bùi Anh T1, tên gọi khác: Không.

Sinh năm 2001 tại huyện Q, tỉnh Nghệ An;

Nơi cư trú: Xóm C, xã H, huyện Q, tỉnh Nghệ An;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Thổ; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Văn T2, con bà: Nguyễn Thị T3; Vợ: Vi Thị N (đã ly hôn), Con: 01 người, sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự, nhân thân: không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà Tạm giữ – Công an huyện Q, tỉnh Nghệ An từ ngày 22/02/2024 đến nay (Có mặt).

Người bào chữa: Ông Nguyễn Thái Q - Trợ giúp viên pháp lý - Chi nhánh Trợ giúp pháp lý số 2- Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh N. (Có mặt).

Người bị hại: 1. Anh Bùi Văn T4, sinh năm 1993.
Trú tại: Xóm X, xã H, huyện Q, tỉnh Nghệ An. (Vắng mặt).

2. Anh Hồ Văn P, sinh năm 2005.
Trú tại: Xóm C, xã H, huyện Q, tỉnh Nghệ An. (Vắng mặt).

3. Cháu Trương Văn T5, sinh ngày 19 tháng 7 năm 2008.
Trú tại: Xóm L, xã H, huyện Q, tỉnh Nghệ An. (Vắng mặt).
Đại diện hợp pháp: Anh Trương Văn T6, sinh năm 1985.
Trú tại: Xóm L, xã H, huyện Q, tỉnh Nghệ An.
(Anh T6 là bố đẻ của cháu T5) (Có mặt).

4. Cháu Lê Văn K, sinh ngày 07 tháng 4 năm 2007.
Trú tại: Xóm Đ, xã H, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Đại diện hợp pháp: Bà Trương Thị M, sinh năm 1988

Trú tại: Xóm Đ, xã H, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

(Bà M là mẹ đẻ của cháu K). (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Đại diện Trường P1: Thầy giáo: Đặng Phúc V – Chức vụ: Bí thư đoàn trường.

Trú tại: K, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: 1. Anh Mạc Văn T7, sinh năm 1994. Trú tại: Xóm B, xã N, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Đức H, sinh năm 1983.

Trú tại: K, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Anh T1 là đối tượng nghiện ma túy, không có việc làm, không có thu nhập. Để có tiền mua ma túy sử dụng và tiêu xài cá nhân, T1 đã nhiều lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào khoảng 10 giờ ngày 15/02/2024, Bùi Anh T1 đi một mình đến nhà anh Bùi Văn T4 (là anh em họ của T1) xóm X, xã H, huyện Q. Khi gặp T4, T1 nảy sinh ý định mượn chiếc điện thoại của T4 để đưa đi bán lấy tiền tiêu xài nên đã hỏi mượn điện thoại của T4 nói để vào mạng xã hội thì T4 đồng ý. T4 đưa cho T1 mượn chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Tecno Spark 10, màu xám sau đó T4 đi ra khỏi nhà. Thấy vậy T1 đã đưa chiếc điện thoại mượn được của T4 đến bán cho anh Nguyễn Đức H (chủ cửa hàng điện thoại Hiếu L) tại thị trấn Q, huyện Q với số tiền 900.000 đồng. Số tiền này T1 đã mua ma túy sử dụng và tiêu xài cá nhân hết.

Lần thứ hai: Vào khoảng 15 giờ ngày 17/02/2024, Bùi Anh T1 đi một mình đến dãy nhà trọ tại khối H, thị trấn Q, huyện Q thì gặp anh Hồ Văn P (là anh em họ với T1). Tại đây, T1 nảy sinh ý định mượn chiếc điện thoại của P để đưa đi bán lấy tiền tiêu xài nên đã hỏi mượn điện thoại của P để sử dụng thì anh P đồng ý. P đưa cho T1 mượn một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S, màu xám. Sau khi thấy anh P đi ra khỏi dãy nhà trọ thì T1 cầm chiếc điện thoại mượn được đi đến bán cho anh Mạc Văn T7 (chủ cửa hàng mua bán điện thoại T) thuộc xóm Đ, xã C, huyện Q với số tiền 220.000 đồng. Số tiền bán điện thoại T1 dùng để mua ma tuý sử dụng và tiêu xài cá nhân hết.

Lần thứ ba: Vào khoảng 18 giờ ngày 18/02/2024, Bùi Anh T1 đi một mình đến phòng trọ của cháu Trương Văn T5 (là em họ của T1) tại khối A, thị trấn Q, huyện Q. Tại đây, T1 cũng nảy sinh ý định mượn chiếc điện thoại của T5 để đưa đi bán lấy tiền tiêu xài nên đã hỏi mượn máy điện thoại di động của T5 nói để chuyển tiền thì T5 đồng ý. T5 đưa cho T1 mượn 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO i15S màu xanh. Một lúc sau thấy T5 nằm ở giường không để ý nên T1 cầm chiếc điện thoại lẻn ra khỏi phòng để đưa điện thoại đi bán.

Lần thứ tư: Vào khoảng 18 giờ 15 phút ngày 18/02/2024, ngay sau khi lấy điện thoại của Trương Văn T5 thì T1 đi qua phòng trọ của cháu Lê Văn K, cách phòng trọ của T5 một phòng. Tại đây, T1 thấy có 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus, màu hồng đang sạc pin để trên giường trong phòng K. Lúc này trong phòng không có ai nên T1 đi vào lấy trộm chiếc điện thoại này. Sau đó, Bùi Anh T1 đưa cả hai chiếc điện thoại chiếm đoạt được của T5 và K đến cửa hàng Đ ở xóm Đ, xã C, huyện Q bán cho anh Mạc Văn T7 được số tiền 1.700.000đ (Một triệu bảy trăm nghìn đồng). Trong đó, chiếc điện thoại chiếm đoạt của T5 bán được 1.200.000đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng), chiếc điện thoại chiếm đoạt của K bán được 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng). Đối với số tiền bán điện thoại có được, T1 đã dùng để mua ma tuý sử dụng và tiêu xài cá nhân hết.

Đến ngày 21/02/2024, Bùi Anh T1 đã đến Công an Thị trấn Q, huyện Q để đầu thú và khai nhận về hành vi trộm cắp tài sản của mình.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 07/KL-HĐĐGTS, ngày 28 tháng 02 năm 2024 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS huyện Q kết luận: 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus màu hồng, đã qua sử dụng có trị giá 2.100.000 đồng (Hai triệu một trăm nghìn đồng).

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 08/KL-HĐĐGTS ngày 01/3/2024, của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS huyện Q kết luận:

- 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6S màu xám, bị vỡ tại góc phía trên bên trái màn hình, máy đã qua sử dụng có giá trị là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

- 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu TecNo spark 10 màu xám, máy đã qua sử dụng có giá trị là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

- 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu VIVO i15S màu xanh, máy đã qua sử dụng có giá trị là 2.300.000 đồng (Hai triệu ba trăm nghìn đồng).

Bản cáo trạng số 37/CT – VKS QH ngày 04/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳ Hợp truy tố Bùi Anh T1 về tội "Trộm cắp tài sản" và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 và khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên toà, Bùi Anh T1 khai nhận trong khoảng thời gian từ ngày 15/02/2024 đến ngày 18/02/2024, Bùi Anh T1 từ đầu đã ý thức chiếm đoạt tài sản nên T1 đã lợi dụng lòng tin của bạn bè, người thân mượn điện thoại của nhiều người, cụ thể: Ngày 15/02/2024, T1 mượn chiếc điện thoại di động nhãn hiệu TecNo Spark 10, màu xám của anh Bùi Văn T4 có giá trị 2.000.000 đồng; Ngày 17/02/2024, T1 mượn chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S, màu xám của Hồ Văn P có giá trị 1.000.000 đồng; Ngày 18/02/2024, T1 mượn chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO i15S, màu xanh, của cháu Trương Văn T5 có giá trị 2.300.000 đồng. Sau khi chiếm đoạt được tài sản, T1 đưa đi bán lấy tiền tiêu xài cá nhân hết.

Ngoài ra, ngày 18/02/2024, Bùi Anh T1 đã đi vào phòng trọ của Lê Văn K tại khối A, Thị trấn Q lấy trộm một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus màu hồng có giá trị là 2.100.000 đồng của K đưa đi bán lấy tiền tiêu xài. Đến ngày 21/02/2024, bị cáo Bùi Anh T1 đã đến Công an thị trấn Q đầu thú. Bị cáo Bùi

Anh T1 nhất trí với cáo trạng của VKSND huyện Quỳ Hợp truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" và tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo về tội danh và Điều luật như nội dung cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 và khoản 2, Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; điều 38, Điều 55 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Anh T1 từ 06 tháng 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; từ 09 tháng đến 12 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Tổng hợp hình phạt hai tội buộc bị cáo Bùi Anh T1 chấp hành hình phạt chung hai tội là từ 15 tháng đến 21 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Bùi Văn T4, Hồ Văn P, Trương Văn T5, Lê Văn K, Mạc Văn T7 không yêu cầu bị cáo Bùi Anh T1 phải bồi thường nên đề nghị HĐXX không phải xem xét thêm.

Về vật chứng vụ án:

- 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus màu hồng, đã qua sử dụng; 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S màu xám, đã qua sử dụng. Các vật chứng này hiện đã được trả lại cho người bị hại là Hồ Văn P và Lê Văn K nên đề nghị HĐXX không phải xem xét thêm.

Người bào chữa cho bị cáo đề nghị hội đồng xét xử áp dụng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 55 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Anh T1 từ 06 tháng 08 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" và từ 07 tháng đến 09 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Tổng hợp hình phạt hai tội buộc bị cáo Bùi Anh T1 chấp hành hình phạt chung hai tội là từ 13 tháng đến 17 tháng tù.

Bị cáo Bùi Anh T1 nói lời nói sau cùng: Bị cáo rất hối hận về hành vi của mình mong Hội đồng xét xử cho bị cáo mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Chứng cứ xác định có tội:

Tại phiên tòa bị cáo Bùi Anh T1 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố. Bị cáo Bùi Anh T1 khai nhận từ ngày 15/02/2024 đến ngày 18/02/2024, Bùi Anh T1 với ý thức là lợi dụng lòng tin của bạn bè, người thân sẽ mượn điện thoại rồi chiếm đoạt điện thoại của nhiều người, cụ thể: Ngày 15/02/2024, T1 mượn của anh Bùi Văn T4 một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu

TecNo Spark 10, màu xám có giá trị 2.000.000 đồng; Ngày 17/02/2024, T1 mượn của anh Hồ Văn P một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S, màu xám có giá trị 1.000.000 đồng; Ngày 18/02/2024, T1 mượn của cháu Trương Văn T5 một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO i15S, màu xanh, có giá trị 2.300.000 đồng. Sau khi mượn được các điện thoại trên, T1 đưa đi bán lấy tiền tiêu xài cá nhân hết. Như vậy, bị cáo Bùi Anh T1 đã dùng thủ đoạn gian dối mượn điện thoại rồi chiếm đoạt tài sản có giá trị là 5.300.000 đồng (Năm triệu ba trăm nghìn đồng). Do đó, các hành vi trên của Bùi Anh T1 đã cấu thành tội " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Ngoài ra, ngày 18/02/2024, Bùi Anh T1 còn lợi dụng sơ hở của chủ tài sản, đã lén lút vào phòng trọ của Lê Văn K lấy trộm một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus màu hồng có giá trị là 2.100.000 đồng. Do đó, hành vi trên của Bùi Anh T1 đã cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự như truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳ Hợp là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi của bị cáo Bùi Anh T1 là rất nguy hiểm, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền sở hữu tài sản của những người bị hại. Vụ án xảy ra gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an xã hội trên địa bàn. Gây tâm lý lo lắng hoang mang trong quần chúng nhân dân. Cần lên cho bị cáo mức án nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra nhằm cải tạo bị cáo trở thành công dân sống có ích cho xã hội và răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

Bị cáo Bùi Anh T1 phạm tội 02 lần trở lên; phạm tội đối với người dưới 16 tuổi. Nên cần áp dụng tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm g, i khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Bùi Anh T1.

Tuy nhiên khi lượng cũng cần xem xét giảm nhẹ một phần về hình phạt vì: Bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; bị cáo đầu thú. Nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Bùi Anh T1.

[4] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo hiện nay đang bị tạm giam, trước khi phạm tội là lao động tự do, điều kiện gia đình kinh tế khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh Bùi Văn T4, Hồ Văn P, Trương Văn T5, Lê Văn K không yêu cầu bị cáo Bùi Anh T1 bồi thường và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: anh Mạc Văn T7, Nguyễn Đức H không có yêu cầu gì nên HĐXX không phải xem xét thêm.

[6] Về án phí: Bị cáo Bùi Anh T1 chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 174; Điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g, i khoản 1 Điều 52; điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Anh T1 **06 (sáu)** tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" và **10 (**M1**)** tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo Bùi Anh T1 chấp hành hình phạt chung của hai tội là **16 (Mười sáu)** tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị bắt tạm giam 22 tháng 02 năm 2024.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật TT hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV.

Bị cáo Bùi Anh T1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm bị cáo 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, người bào chữa cho bị cáo và 01 đại diện hợp pháp của người bị hại. Vắng mặt những người bị hại, 03 đại diện hợp pháp của người bị hại và đại diện nhà trường THPT Quỳ Hợp I. Bị cáo và 01 đại diện hợp pháp của người bị hại có mặt được quyền kháng cáo bản án lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 28/6/2024. Đối với những người bị hại, 03 đại diện hợp pháp của người bị hại và đại diện nhà trường THPT Quỳ Hợp I vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nghệ An,
- Sở tư pháp tỉnh Nghệ An,
- VKS ND tỉnh Nghệ An;
- Nhà tạm giữ CA huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An;
-VKSND huyện Quỳ hợp,
- Cơ quan điều tra CA huyện Quỳ hợp,
- TH A DS huyện Quỳ hợp,
- Bị cáo;
-Bị hại ;
- lưu

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Quán Vi Tuấn